TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 49/2017/HNGĐ-ST	*A, ngày 22 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017, giữa:

**** Nguyên đơn:*** Anh Từ Quốc N, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn V, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

**** Bị đơn:*** Chị Trương Thị Tiền H, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn V, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

**** Nguyên đơn:*** Anh Từ Quốc N

**** Bị đơn:*** Chị Trương Thị Tiền H

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ con chung:

Vợ chồng có hai người con chung là Từ Nhật H1, sinh ngày 04/5/2005 và Từ Nhật H2, sinh ngày 18/3/2014. Hiện cả hai cháu đang ở với chị H. Anh N và chị H thống nhất anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Từ Nhật H1, giao cháu Từ Nhật H2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên hoặc của người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên

hiệp phụ nữ Tòa sẽ giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về quan hệ tài sản chung:

Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí:

Anh N tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008471 ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, còn hoàn trả lại cho anh N 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Đảm